

Số: 1027 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 46 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai; danh mục 138 thành phần hồ sơ phải số hoá của 26 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 46 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang, gồm:

- Thủ tục hành chính ban hành mới: 15 thủ tục.
- Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế: 11 thủ tục.
- Thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai: 20 thủ tục.

(có Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 138 thành phần hồ sơ phải số hoá của 26 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử *(có Phụ lục II kèm theo).*

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (nếu có). **Thời gian hoàn thành trong 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

d) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Công khai trên Trang thông tin điện tử đối với danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý; tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

b) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung của thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Mục II, Phần B (Thủ tục hành chính cấp huyện) Danh mục 136 thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 136 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang.

2. Bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai các thủ tục hành chính tại Mục VIII, Phần A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), các thủ tục hành chính tại số thứ tự 5, 6, 7, 8, 16 Mục II, Phần B (Thủ tục hành chính cấp huyện) Danh mục 136 thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 136 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ 19 thủ tục hành chính, 67 thành phần hồ sơ thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại Mục XVI Phần A Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ KH&ĐT; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Phòng THVX-VPUBND tỉnh; (đ/c Hoài)
- Lưu: VT, THCBKSNhung.

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 46 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN: 15 thủ tục

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
1	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (viết tắt là Nghị định số 92/2024/NĐ-CP)	x	x
2	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	x	x

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
3	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (viết tắt là Thông tư số 09/2014/TT-BKHĐT).	x	x
4	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
5	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
6	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
7	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
8	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
9	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	x	x
10	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
11	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	x	x
12	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
13	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
14	2002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
15	2002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN: 11 thủ tục

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
1	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất ¹	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
2	2002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh ²	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

¹Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

²Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
3	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập ³	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
4	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ⁴	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
5	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập ⁵	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
6	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ⁶	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
7	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ⁷	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

³Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

⁴Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

⁵Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

⁶Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

⁷Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
8	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ⁸	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
9	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ⁹	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
10	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ¹⁰	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x
11	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ¹¹	- 05 ngày làm việc đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước; - 03 ngày làm việc đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT	x	x

⁸Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

⁹Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

¹⁰Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

¹¹Sửa đổi, bổ sung cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, UBND CẤP HUYỆN:
20 thủ tục**

STT	Mã TTHC	TÊN TTHC	Quyết định công bố	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 15 thủ tục			
1	1.005125	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viết tắt là Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT)	Hủy bỏ
2	2.002013	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
3	1.005003	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
4	1.005047	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
5	1.005122	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
6	2.001979	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
7	2.001957	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
8	1.005056	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
9	1.005072	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ

STT	Mã TTHC	TÊN TTHC	Quyết định công bố	Ghi chú
10	2.001962	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
11	1.005064	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
12	1.005124	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
13	1.005046	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
14	1.005283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
15	2.002125	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 05 thủ tục				
1	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
2	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
3	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
4	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ
5	1.004895	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT	Hủy bỏ

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 138 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH TẠI
THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 26 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TUYẾN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (Cấp huyện): 15 thủ tục
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
	1.1 Văn bản đề nghị gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	1.2 Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
	1.3 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý
	1.4 Bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp
	1.5 Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp
	1.6 Hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo
	2.1 Văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện
	2.2 Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo
	2.3 Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023
	* Trường hợp đăng ký thành lập tổ hợp tác sau ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành
	3.1 Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác
	3.2 Hợp đồng hợp tác
	3.3 Danh sách thành viên tổ hợp tác

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
3.4	Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác
3.5	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế (<i>sử dụng trong trường hợp Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến UBND xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã</i>)
* Trường hợp tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
3.1	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác
3.2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế
3.3	Các giấy tờ tương ứng với từng trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (<i>sử dụng trong trường hợp tổ hợp tác có thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đã thông báo tới UBND xã, phường, thị trấn, tổ hợp tác</i>)
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy
4.1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác
Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
* Trường hợp đăng ký thay đổi: Tên tổ hợp tác; Ngành, nghề kinh doanh; Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác và Tổng giá trị phần vốn góp	
5.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác
5.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác
* Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác	
5.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác
5.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện
5.3	Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác
* Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế	
5.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác
Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác	
6.1	Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin
* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
6.1	Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính
6.2	Bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
	6.3 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác
	<i>* Đối với trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh</i>
	7.1 Thông báo tạm ngừng kinh doanh
	7.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc tạm ngừng kinh doanh
	<i>* Đối với trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại</i>
7.1 Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại	
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác
	<i>* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác</i>
	8.1 Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác
	8.2 Phương án giải quyết nợ (nếu có)
	<i>* Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác</i>
	8.1 Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác
	8.2 Quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của UBND cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước
8.3 Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước	
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	9.1 Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác
	10.1 Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	11.1 Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể
	11.2 Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài
	12.1 Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài
	12.2 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	<i>* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i>
	13.1 Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin
	<i>* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã</i>
	13.1 Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính
	13.2 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
	13.3 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	14.1 Thông báo đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	15.1 Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin
	15.2 Thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	15.3 Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính
	15.4 Bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (Cấp huyện): 11 thủ tục
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất
	<i>* Trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i>
	1.1 Giấy đề nghị đăng ký thành lập
	1.2 Điều lệ
	1.3 Nghị quyết hội nghị thành lập
	1.4 Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn
	1.5 Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài
	1.6 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023
	1.7 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư
	<i>* Trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác</i>
	1.1 Giấy đề nghị đăng ký thành lập
	1.2 Điều lệ
	1.3 Nghị quyết hội nghị thành lập
	1.4 Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn
	1.5 Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài
	<i>* Trường hợp hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</i>
	1.1 Giấy đề nghị đăng ký thành lập
	1.2 Điều lệ
	1.3 Nghị quyết hội nghị thành lập

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
1.4	Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn
1.5	Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài
1.6	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023
1.7	Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
* Trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
1.1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập
1.2	Điều lệ
1.3	Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn
1.4	Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài
1.5	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023
1.6	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư
1.7	Nghị quyết chia hợp tác xã (<i>trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia</i>); Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (<i>trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tách</i>); Hợp đồng hợp nhất, nghị quyết thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất (<i>trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất</i>)
Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
* Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	
2.1	Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
2.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
2.3	Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
* Trường hợp thông báo địa điểm kinh doanh	
2.1	Thông báo lập địa điểm kinh doanh
Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
* Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
3.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
3.3	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
* Trường hợp đăng ký thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
3.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
3.3	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
* Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
** Trường hợp chỉ thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
** Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời đăng ký thay đổi các nội dung khác	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) đồng thời là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là người mới được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn)
3.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật
3.3	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật
3.4	Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; Danh sách, bản sao hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài
* Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
3.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ
3.3	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ
3.4	Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư
* Thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách	
3.1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
3.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc tách
3.3	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tách
3.4	Bản sao hoặc bản chính nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
	* Thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập
	3.1 Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	3.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc sáp nhập
	3.3 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc sáp nhập
	3.4 Bản sao hoặc bản chính hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã
	4.1 Các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
	4.2 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế
	* Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính
	4.1 Các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP
	4.2 Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã 4.3 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế
5	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập
	* Trường hợp thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh
	5.1 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	5.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh
	5.3 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh
	* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế
	5.1 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
	* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài
5.1 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
5.2 Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi	
5.3 Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư	

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
	<p>* Trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách</p> <p>5.1 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>5.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc bị tách</p> <p>5.3 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về bị tách</p> <p>5.4 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>- Trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập</p> <p>5.1 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>5.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc nhận sáp nhập</p> <p>5.3 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về nhập sáp nhập</p> <p>5.4 Hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập.</p>
6	<p>Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>6.1 Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp</p>
7	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>7.1 Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p>
8	<p>Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>* Trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh</p> <p>8.1 Thông báo tạm ngừng kinh doanh</p> <p>8.2 Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh</p> <p>8.3 Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh</p> <p>* Trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại</p> <p>8.1 Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại</p>
9	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>9.1 Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh</p>
10	<p>Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>10.1 Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>10.2 Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể</p> <p>10.3 Quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước</p>

STT		TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
	10.4	Báo cáo kết quả chuyên nhượng, thanh lý tài sản của hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước
11	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
	11.1	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
	11.2	Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện
	11.3	Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện